

Số: 210/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 29 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính các lĩnh vực ngành Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 4/TTr-SLĐTBXH ngày 19/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính các lĩnh vực ngành Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ đối với việc giải quyết từng thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này (nếu cần thiết); hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác Danh mục thủ tục hành chính, bộ phận tạo thành của từng thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này và gỡ bỏ các dữ liệu thủ tục

hành chính đã hết hiệu lực thi hành trên Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định: số 1320/QĐ-UBND ngày 17/5/2022; số 1621/QĐ-UBND ngày 15/6/2022; số 2469/QĐ-UBND ngày 20/9/2022; số 3062/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; số 785/QĐ-UBND ngày 18/4/2023; số 1032/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành thị; UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC LĨNH VỰC NGÀNH LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

*DVC TT: Dịch vụ công trực tuyến;
TTHC: Thủ tục hành chính.*

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	DVC TT	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội						
1	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Một phần	1. Luật Người khuyết tật năm 2010. 2. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật. 3. Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện. 4. Quyết định số 596/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
2	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trực tuyến:	Không	Một phần	1. Luật Người khuyết tật năm 2010. 2. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ. 3. Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	DVC TT	Căn cứ pháp lý
				Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p_hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích			động – Thương binh và Xã hội. 4. Quyết định số 596/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
3	2.000751	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p_hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Toàn trình	1. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. 2. Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
4	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p_hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Toàn trình	1. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ. 2. Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
5	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát	Không quy định. (Thời gian rà soát: từ ngày 01/9 đến hết ngày 14/12 của năm).	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	Một phần	1. Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. 2. Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	DVC TT	Căn cứ pháp lý
		cận nghèo định kỳ hằng năm		2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p_hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích			– Thương binh và Xã hội. 3. Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. 4. Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
6	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định (Thời gian rà soát: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng).	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p_hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Một phần	1. Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. 2. Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. 3. Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. 4. Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
7	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định (Thời gian rà soát: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng).	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p_hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Một phần	1. Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. 2. Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. 3. Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. 4. Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
8	1.011609	Công nhận hộ	15 ngày làm việc kể từ ngày	1. Trực tiếp:	Không	Toàn	1. Luật Cư trú.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	DVC TT	Căn cứ pháp lý
		làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trục tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích		trình	2. Luật Bảo hiểm y tế. 3. Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ. 4. Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. 5. Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. 6. Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. 7. <i>Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</i>
II	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội						
1	1.000132	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	1. Trục tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trục tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Một phần	1. Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng. 2. <i>Quyết định số 1724/QĐ-LĐTBXH ngày 24/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</i>
2	1.010941	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	1. Trục tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	Một phần	1. Luật Phòng, chống ma túy năm 2021. 2. Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy,

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	DVC TT	Căn cứ pháp lý
				2. Dịch vụ Bru chính công ích			Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. 3. Quyết định số 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
III	Lĩnh vực Trẻ em						
1	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	12 giờ từ khi nhận thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p_hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Toàn trình	1. Luật trẻ em năm 2016. 2. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em. 3. Quyết định số 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Trẻ em thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
2	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	- Đối với trường hợp chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em theo đề nghị của cá nhân, đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế: Không quy định. - Đối với trường hợp chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em tại cơ sở trợ giúp xã hội để chuyển đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế: 05 ngày làm việc kể từ	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p_hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Toàn trình	1. Luật Trẻ em năm 2016. 2. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ. 3. Quyết định số 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	DVC TT	Căn cứ pháp lý
			ngày nhận quyết định giao trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.				
3	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trường hợp trẻ em cần được áp dụng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin về hành vi xâm hại trẻ em hoặc trẻ em có nguy cơ bị xâm hại.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p_hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Một phần	1. Luật Trẻ em năm 2016. 2. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ. 3. <i>Quyết định số 847/QĐ-LDTBXH ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</i>
4	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	UBND cấp xã tổ chức việc giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế: 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p_hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Một phần	1. Luật Trẻ em năm 2016. 2. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ. 3. <i>Quyết định số 847/QĐ-LDTBXH ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</i>
5	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người	UBND cấp xã tổ chức việc giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế: 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p	Không	Một phần	1. Luật Trẻ em năm 2016. 2. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em. 3. <i>Quyết định số 847/QĐ-LDTBXH ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</i>

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	DVC TT	Căn cứ pháp lý
		thân thích của trẻ em		hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích			
6	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	1. Trực tiếp: - Đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp tỉnh: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ Địa chỉ: 398 đường Trần Phú, Tân Dân, Việt Trì, Phú Thọ ĐT:0210.2222.555 - Đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p.hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Toàn trình	1. Luật Trẻ em năm 2016.2 2. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ. 3. Quyết định số 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
IV	Lĩnh vực Người có công						
1	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận	Không	Một phần	1. Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	DVC TT	Căn cứ pháp lý
		nhân của Người có công		và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trục tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p.hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích			2. Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. 3. Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. 4. Quyết định số 627/QĐ-LĐTBXH ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
2	1.010832	Thăm viếng mộ liệt sĩ	<i>Đối với việc xác nhận vào giấy giới thiệu thăm viếng mộ liệt sĩ: 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Giấy giới thiệu.</i>	1. Trục tiếp: Đối với việc xác nhận vào Giấy giới thiệu thăm viếng mộ liệt sĩ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã (nơi quản lý mộ liệt sĩ) 2. Trục tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.p.hutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Một phần	1. Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. 2. Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ. 3. Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
3	1.011401	Cấp giấy chứng nhận hy sinh	Không quy định.	1. Trục tiếp: Bộ phận Tiếp nhận	Không	Toàn trình	1. Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	DVC TT	Căn cứ pháp lý
		ngộ công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh.		và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Dịch vụ Bru chính công ích			2. Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. 3. Thông tư số 55/2022/TT-BQP ngày 27/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy trình công nhận và thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng. 4. Quyết định số 4576/QĐ-BQP ngày 06/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố TTHC ban hành mới, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực chính sách người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.
4	1.011402	Tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban	- Trường hợp 1: Người bị thương trước khi nhập ngũ đến nay vẫn thường trú cùng địa phương: 212 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Người bị thương trước khi nhập ngũ thường trú ở địa phương khác: 218 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Dịch vụ Bru chính công ích	Không	Một phần	1. Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. 2. Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. 3. Thông tư số 55/2022/TT-BQP ngày 27/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy trình công nhận và thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng. 4. Quyết định số 4576/QĐ-BQP ngày 06/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (nếu có)	DVC TT	Căn cứ pháp lý
		Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra.					về việc công bố TTHC ban hành mới, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực chính sách người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.